

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

Bản án số: 06/2026/DS-ST

Ngày: 17/04/2026

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng, thế chấp”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Võ Chí Công

2. Bà Phan Thị Hương Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 93/2025/TLST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1),

Địa chỉ: Tòa V L, phường L, quận Đ (nay là phường G), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G - Chức vụ Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Tích hợp 2 (Theo văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025)

Người được uỷ quyền lại: Ông Đặng Văn N - Chuyên viên xử lý nợ;

Địa chỉ: Tầng D VPBank S, S, Tòa nhà T, khối Y, phường V, tỉnh Nghệ An. (Theo văn bản uỷ quyền số 230903/2025/UQN-VPBANK ngày 23/9/2025) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Công ty Cổ phần M1.

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C (nay là phường C, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M - Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ (theo văn bản uỷ quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29/8/2025)

Người được uỷ quyền lại: ông Nguyễn Văn T1 và ông Hoàng Tiên Đ - Chức vụ Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: **Tầng D VPBank S, S, Tòa nhà T, khối Y, phường V, tỉnh Nghệ An.**
(Theo Văn bản uỷ quyền số 20709/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 23/9/2025) có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Xuân P**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An** (vắng mặt không có lý do)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị **Lê Thị T2**, sinh năm 2002.

Trú tại: **Thôn M, xã M, tỉnh Thanh Hóa** (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của **Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)** và **Công ty Cổ phần M1 (M1)** trình bày:*

Ngân hàng V1 cho ông **Đỗ Xuân P** vay vốn tại ngân hàng theo các Hợp đồng cho vay số LN2204275667237 ngày 28/04/2022 và Hợp đồng cho vay số LD2305600389 ngày 25/02/2023, tổng số tiền là 431.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng), cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng cho vay số LN2204275667237 ngày 28/04/2022:

Số tiền vay: 398.000.000 đồng (ba trăm chín mươi tám triệu đồng); thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; mục đích sử dụng vốn thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu NISSAN, ALMERA MT, 1.0L, FWD, MT sản xuất mới 100%. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9.3%/năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”); hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, sau đó sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm; trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của **V1** thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: <http://www.V1.com.vn>) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.6%/năm. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Đối với Hợp đồng cho vay số LD2305600389 ngày 25/02/2023:

Số tiền vay: 33.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng); Thời hạn vay tính từ ngày tiếp theo của ngày **V1** giải ngân vốn vay cho **Khách H** đến ngày 15/02/2028; mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 25%/năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); được cố định đến

ngày 01/07/2023 (“Thời gian cố định”). Hết thời hạn thời gian cố định sẽ được điều chỉnh; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, sau đó sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm; trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của **V1** thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với điều chỉnh + biên độ 17%/năm. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là 01 xe ô tô Nhãn hiệu: NISSAN; Số loại: ALMERA; biển số đăng ký: 37K-006.19; Số khung MNTBAAN18Z0036199; Số máy: HRA0040598E; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37 041834 do **Phòng C1 Công an tỉnh N** cấp đứng tên ông **Đỗ Xuân P**. Tài sản bảo đảm trên được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2204275667237 ngày 28/04/2022. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện các hợp đồng ông **Đỗ Xuân P** đã thanh toán trả nợ cho Ngân hàng được số tiền tính đến ngày 17/4/2026 là: 232,452,734đ (hai trăm ba hai triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó trả nợ gốc là 125,633,446đ, trả nợ lãi là 106,819,288đ.

Trong đó hợp đồng tín dụng số LN2204275667237 ngày 28/04/2022 đã trả nợ gốc là 119,102,476đ, trả nợ lãi là 94,532,780đ, tổng cộng là 213,635,256đ (hai trăm mười ba triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng); hợp đồng tín dụng số LD2305600389 ngày 25/02/2023 đã trả nợ gốc là 6,530,970đ, trả nợ lãi là 12,286,508đ, tổng cộng là 18,817,478đ (mười tám triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng).

Ông **Đỗ Xuân P** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/10/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 17/04/2026, khoản vay của ông **Đỗ Xuân P** có số ngày quá hạn lớn nhất là 550 ngày.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/03/2025 và Phụ lục đính kèm giữa **Ngân hàng TMCP V (V1)** với **Công ty Cổ Phần M1** thì **V1** đồng ý bán và **Công ty Cổ Phần M1** đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông **Đỗ Xuân P** là một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: LN2201105055535 ngày 12/01/2022; LD2305600389 ngày 25/02/2023.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, **Công ty M1** kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của **V1** phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, **V1** tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho **Công ty M1**.

Quá trình xử lý khoản vay, **V1** và **Công ty M1** đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông **Đỗ Xuân P** thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho **V1** và **Công ty M1** tuy nhiên ông **Đỗ Xuân P** không thực hiện; tính đến ngày 17/04/2026, ông **Đỗ Xuân P** còn nợ **Công ty M1** và **V1** tổng số tiền cụ thể như sau

-Dư nợ đối với khoản vay LN2204275667237 ngày 28/04/2022 là: 371,633,761 đồng (trong đó nợ gốc là 275,766,000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6,735,641 đồng, lãi quá hạn là 89,132,120).

Chia theo tỷ lệ mua bán nợ **Công ty M1** 95%; **Ngân hàng V1** 5% như sau:

Nợ **Công ty M1** là 353,052,073 đồng (trong đó nợ gốc là 261,977,700 đồng; nợ lãi trong hạn là 6,398,859, nợ lãi quá hạn là 84,675,514).

Nợ **Ngân hàng V1** là 18,581,688 đồng (trong đó nợ gốc là 13,788,300 đồng, nợ lãi trong hạn là 336,782 đồng, nợ lãi quá hạn là 4,456,606 đồng).

-Dư nợ đối với khoản vay LD2305600389 ngày 25/02/2023 là 42,153,344 đồng (trong đó nợ gốc là 26,469,030 đồng, nợ lãi trong hạn là 2,591,934 đồng, nợ lãi quá hạn là 13,092,380 đồng)

Chia theo tỷ lệ mua bán nợ **Công ty M1** 95%; **Ngân hàng V1** 5% như sau: Nợ **Công ty M1** số tiền là 40,045,676 đồng (trong đó nợ gốc là 25,145,579 đồng; nợ lãi trong hạn là 2,462,337, nợ lãi quá hạn là 12,437,761). Nợ **Ngân hàng V1** là 2,107,667 đồng (trong đó nợ gốc là 1,323,451 đồng, nợ lãi trong hạn là 129,597 đồng, nợ lãi quá hạn là 654,619 đồng). Tổng dư nợ của cả 2 khoản vay là 413,787,105 đồng (trong đó tổng nợ gốc là 302,235,030 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 9,327,575 đồng; tổng nợ lãi quá hạn là 102,224,500 đồng).

Chia theo tỷ lệ mua bán nợ **Công ty M1** 95%; **Ngân hàng V1** 5% như sau:

Nợ **Công ty M1** là 393,097,749 đồng (trong đó tổng nợ gốc: 287,123,279 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 8,861,196, tổng nợ lãi quá hạn là 97,113,275).

Nợ **Ngân hàng V1** là 20,689,355 đồng (trong đó tổng nợ gốc là 15,111,751 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 466,379 đồng, nợ lãi quá hạn: 5,111,225 đồng). *(Chi tiết theo bảng kê tính lãi kèm theo).*

Jupiter và **V1** đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông **Đỗ Xuân P** phải thanh toán cho **J** và **V1** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, tính đến ngày 17/04/2026, khoản tiền này là: 413,787,105 đồng bao gồm nợ gốc là 302,235,030 đồng, nợ lãi là 111,552,075 đồng, (lãi trong hạn 9.327.575đ, lãi quá hạn từ ngày 15/10/2024 là 102.224.500đ) trong đó:

Buộc ông **Đỗ Xuân P** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần M1** tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2026 là: 393,097,749 đồng, bao gồm nợ gốc là 287,123,279 đồng, nợ lãi là 105,974,471 đồng (lãi trong hạn 8.861.196đ, lãi quá hạn từ ngày 15/10/2024 97.113.275đ).

Buộc ông **Đỗ Xuân P** phải thanh toán cho **V1** tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2026 là: 20,689,355 đồng bao gồm nợ gốc là 15,111,751 đồng, nợ lãi là 5,577,604 đồng (lãi trong hạn 466.379đ, lãi quá hạn 5.111.225)

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả, nay tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại

yêu cầu khởi kiện trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông **Đỗ Xuân P** thực tế thanh toán hết nợ cho **Công ty M1** và **V1**. Lãi phát sinh phải trả cho **J** và **V1** tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông **Đỗ Xuân P** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **J** và **V1** thì **J** và **V1** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho **J** và **V1**, cụ thể là tài sản sau:

01 xe ô tô Nhãn hiệu: NISSAN; Số loại: ALMERA; biển số đăng ký: 37K-006.19; Số khung: MNTBAAN18Z0036199; Số máy: HRA0040598E; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do **Phòng C1 Công an tỉnh N** cấp đứng tên ông **Đỗ Xuân P**. Tài sản bảo đảm trên được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2204275667237 ngày 28/04/2022. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho **J** và **V1** theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, **Công ty M1** và **V1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông **Đỗ Xuân P** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Công ty M1** và **V1** cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Ông **Đỗ Xuân P** phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty CP M1** đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyết toán xong và nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (đã thực hiện xong) không yêu cầu gì.

*Tại bản tự khai ngày 28/12/2025 ông **Đỗ Xuân P** trình bày:*

Ông **P** đã nhận được thông báo của Tòa án về việc **Ngân hàng V** với **Công ty cổ phần M1** khởi kiện yêu cầu ông phải trả tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/9/2025 là 372.466.350 đồng (Ba trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng), ông đã nhận được các tài liệu của **Ngân hàng V** gồm: Thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn, Thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Thông báo yêu cầu bàn giao tài sản đảm bảo (gửi cho ông **P** và vợ ông **P** là bà **Lê Thị T2**). Ông **P** thừa nhận việc ông có nợ **Ngân hàng V** và có thể chấp tài sản là xe ô tô đúng như **Ngân hàng V** khởi kiện, vợ ông là bà **Lê Thị T2** cũng đã nhận được các thông báo khởi kiện của Tòa án và **Ngân hàng V**. Hiện xe ô tô ông **P** đã cho người khác mượn (ông **P** xin được giấu tên) nên chưa đòi lại được để bàn giao cho **Ngân hàng**, còn số tiền **Ngân hàng** yêu cầu trả nợ thì hiện tại ông **P** chưa có để trả (kể cả trả nợ 1 phần) nên xin **Ngân hàng** cho ông thêm thời gian sẽ sắp xếp trả nợ cho **Ngân hàng** và đòi chiếc xe về bàn giao cho **Ngân hàng**. Do điều kiện vợ ông là bà **T2** có con nhỏ đang ở bên nhà ngoại nên ông **P** sẽ thông báo lại mọi nội dung làm việc với Tòa án cho bà **T2** và sẽ sắp xếp về làm việc trong buổi tiếp theo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông **Phong bao G1** Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định nhưng ông **Đỗ Xuân P** không chấp hành vắng mặt không có lý do.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị T2** (vợ của ông **Đỗ Xuân P**):* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà **Lê Thị T2** thông qua ông **P**, và **Q** định ủy thác thu thập chứng cứ số 344/2026/QĐ-UTTA cho TAND khu vực 10, tỉnh Thanh Hóa nơi bà **T2** cư trú và bà **T2** đã biết được nội dung vụ án mà **Công ty M1** và **V1** khởi kiện yêu cầu ông **Đỗ Xuân P** trả nợ và đề nghị xử lý tài sản thế chấp liên quan nhưng bà **T2** đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đã đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nên Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 - BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V (V1)** và **Công ty cổ phần M1** về việc yêu cầu bị đơn ông **Đỗ Xuân P** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** và **Công ty cổ phần M1** số tiền nợ gốc và lãi chưa thanh toán tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V (V1)** và **Công ty cổ phần M1** (Jupiter) đối với yêu cầu bị đơn ông **Đỗ Xuân P** phải trả lãi suất chậm trả tiền lãi theo các Hợp đồng cho vay số LN2204275667237 ngày 28/04/2022 và Hợp đồng cho vay số LD2305600389 ngày 25/02/2023 giữa **Ngân hàng TMCP V** và ông **Đỗ Xuân P**.

- Về án phí: buộc ông **Đỗ Xuân P** phải chịu án phí DSTT theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: buộc ông **Đỗ Xuân P** phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 23/9/2025 Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Xuân P trú tại xóm L, xã N, tỉnh Nghệ An thanh toán hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp và nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An nơi bị đơn cư trú để giải quyết. Căn cứ Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Đỗ Xuân P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2: Ông P và bà T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng bà T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không lý do; còn ông P có mặt tại Tòa án ngày 28/12/2025 viết bản tự khai, sau đó vắng mặt không lý do. Xét thấy, đây là vụ án liên quan đến nghĩa vụ của bên vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã được ký kết và giải ngân tiền vay, C cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả. Nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về chủ thể: Ngân hàng TMCP V (V1) được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật. Ông Đỗ Xuân P, bà Lê Thị T2 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng và các giao dịch đã ký kết. Về hình thức và nội dung các hợp đồng mà các bên đã ký kết và thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật. Đối tượng ký kết là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp về việc vay vốn nhằm mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô, phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán: Sau khi ký kết các hợp đồng cho vay số LN2204275667237 ngày 28/04/2022, số LD2305600389 ngày 25/02/2023 giữa Ngân hàng TMCP V và ông Đỗ Xuân P thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền theo hợp đồng tín dụng số LN2204275667237 ngày 28/04/2022 số tiền là 398.000.000đ (Ba trăm chín mươi tám triệu đồng); hợp đồng tín dụng số LD2305600389 ngày 25/02/2023 số tiền là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng thì ông P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã cam kết, mới trả được số tiền của hai hợp đồng tín dụng là 232,452,734đ (hai trăm ba hai triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó trả nợ gốc là 125,633,446, trả nợ lãi là 106,819,288đ; cụ thể hợp đồng tín dụng số LN2204275667237 ngày 28/04/2022 đã trả nợ gốc là 119,102,476đ, trả nợ lãi là 94,532,780đ, tổng cộng là 213,635,256đ (hai trăm mười ba triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng); hợp đồng tín dụng số LD2305600389 ngày 25/02/2023 đã trả nợ gốc là 6,530,970đ, trả nợ lãi là 12,286,508đ, tổng cộng là 18,817,478đ (mười tám triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại bản tự khai ông P thừa nhận có nợ

Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần MBN Jupiter số tiền nợ gốc, nợ lãi đúng như nguyên đơn khởi kiện, mặc dù sau đó ông P vắng mặt không có lý do; tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định việc ký kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc vay vốn của ông P để nhằm mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Tại các hợp đồng tín dụng các bên có quy định lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả. Xét về thỏa thuận lãi suất các bên đã ký kết trong các hợp đồng tín dụng phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật. Căn cứ bảng tổng hợp dư nợ đến hết ngày 17/4/2026 và bảng chi tiết tính lãi do Ngân hàng cung cấp theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết thì ông Đỗ Xuân P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 yêu cầu ông P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4/2026) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 413,787,105 đồng bao gồm nợ gốc là 302,235,030 đồng, nợ lãi là 111,552,075 đồng; cụ thể thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2026 là: 393,097,749 đồng (trong đó nợ gốc là 287,123,279 đồng, nợ lãi là 105,974,471 đồng); thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2026 là: 20,689,355 đồng (trong đó nợ gốc là 15,111,751 đồng, nợ lãi là 5,577,604 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; các Điều 274, 275, 280, 466, 468 - BLDS nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và Công ty CP M1 về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thấy rằng: Để bảo đảm cho các khoản vay tại các hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Đỗ Xuân P và vợ là bà Lê Thị T2 đã thế chấp tài sản bảo đảm của vợ chồng ông P là 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN; số loại: ALMERA; biển số đăng ký: 37K-006.19; số khung: MNTBAAN18Z0036199; số máy: HRA0040598E; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C1 Công an tỉnh N cấp đứng tên ông Đỗ Xuân P. Tài sản bảo đảm trên được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2204275667237 ngày 28/04/2022. Việc thế chấp được lập thành hợp đồng có công chứng và đã được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng đúng quy định tại các Điều 317, 318, 319 - BLDS năm 2015; Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Xét hợp đồng thế chấp tài sản đã được các bên giao kết tự nguyện, có đủ thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP V và Công ty CP M1 về việc xử lý các tài sản đảm bảo của vợ chồng ông P, bà T2 để thanh toán các khoản nợ của ông P là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp.

[2.5] Đối với nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, **J** và **V1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông **Đỗ Xuân P** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **J** và **V1** cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ thấy rằng: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ của người phải thi hành án dân sự, do đó các bên có thể yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Nguyên đơn đề nghị Toà án buộc ông **P** phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo quy định tại Điều 8, Điều 13 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty M1** đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyết toán xong. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (đã thực hiện xong) nên không yêu cầu gì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông **Đỗ Xuân P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty CP M1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.846.076đ (tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b, Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 244 - BLTTDS; Các Điều 274, 275, 280, 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468, 688 - BLDS năm 2015; các Điều 91, 95 98 - Luật các Tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 210 - Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/1/2024; các Điều 8, 13 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; các Điều 4, 5, 6 - Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V (V1)** và **Công ty cổ phần M1 (Jupiter)** đối với yêu cầu bị đơn ông **Đỗ Xuân P** phải trả lãi suất chậm trả tiền lãi theo các Hợp đồng cho vay số LN2204275667237 ngày 28/04/2022 và Hợp đồng cho vay số LD2305600389 ngày 25/02/2023 giữa **Ngân hàng TMCP V** và ông **Đỗ Xuân P**.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V (V2)** và **Công ty cổ phần M1 (M1)**:

Buộc ông **Đỗ Xuân P** phải có nghĩa vụ Thanh toán hợp đồng tín dụng cho **Ngân hàng TMCP V (V2)** và **Công ty cổ phần M1 (J)** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các

Hợp đồng cho vay số LN2204275667237 ngày 28/04/2022 và Hợp đồng cho vay số LD2305600389 ngày 25/02/2023 tính đến ngày 17/04/2026 là: 413,787,105 đồng (bốn trăm mười ba triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm không ba đồng) bao gồm nợ gốc là 302,235,030 đồng (ba trăm không hai triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi đồng), nợ lãi là 111,552,075 đồng (một trăm mười một triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng), gồm nợ lãi trong hạn 9.327.575đ (chín triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), lãi quá hạn 102.224.500đ (một trăm không hai triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) cụ thể:

Buộc ông **Đỗ Xuân P** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty cổ phần M1 (M1)** tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2026 là: 393,097,749 đồng (ba trăm chín mươi ba triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng); bao gồm nợ gốc là 287,123,279 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng), nợ lãi là 105,974,471 đồng (một trăm không năm triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi một đồng), trong đó lãi trong hạn 8.861.196 đồng (Tám triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng), lãi quá hạn 97.113.275 đồng (chín mươi bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Buộc ông **Đỗ Xuân P** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V (V2)** tổng số tiền tính đến ngày 17/04/2026 là: 20,689,355 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng) bao gồm nợ gốc là 15,111,751 đồng (mười lăm triệu, một trăm mười một nghìn, bảy trăm năm mươi một đồng), nợ lãi là 5,577,604 đồng (năm triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm không bốn đồng), trong đó lãi trong hạn 466.379 đồng (bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng), lãi quá hạn 5.111.225 đồng (năm triệu, một trăm mười một nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/4/2026), bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ, thì lãi suất mà ông **Đỗ Xuân P** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** và **Công ty cổ phần M1 (Jupiter)** theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông **Đỗ Xuân P** không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì **Ngân hàng TMCP V (V2)** và **Công ty cổ phần M1 (M1)** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN; số loại: ALMERA; biển số đăng ký: 37K-006.19; số khung: MNTBAAN18Z0036199; số máy: HRA0040598E theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37 041834 do **phòng C1 Công an tỉnh N** cấp đứng tên ông **Đỗ Xuân P**. Tài sản bảo đảm trên được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2204275667237 ngày 28/04/2022.

Trường hợp số tiền số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì ông **Đỗ Xuân P** có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ

với Ngân hàng; nếu thừa thì Ngân hàng TMCP V (V2) và Công ty cổ phần M1 (M1) phải trả lại cho ông Đỗ Xuân P và bà Lê Thị T2.

Trường hợp ông Đỗ Xuân P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V (V2) và Công ty cổ phần M1 (M1) phải trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 37 041834 do phòng C1 Công an tỉnh N cấp đứng tên ông Đỗ Xuân P cho cho ông Đỗ Xuân P và bà Lê Thị T2.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Đỗ Xuân P phải chịu 20.551.484 đồng (hai mươi triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi bốn nghìn) án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 465.583 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003615 ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Công ty cổ phần M1 (M1) số tiền 8.846.076 đồng (Tám triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003614 ngày 12 tháng 12 năm 2025.

4. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty cổ phần M1 (M1) có mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V2) và bị đơn ông Đỗ Xuân P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2 vắng mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan